

V. KẾT LUẬN

Người bệnh ung thư phổi điều trị hoá chất và xạ trị kết hợp có nguy cơ cao bị SDD. Do vậy, cần tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh để tránh gây sụt cân và nâng cao hiệu quả điều trị.

VI. LỜI CẢM ƠN

Các tác giả bài báo xin chân thành cảm ơn tập thể khoa Ung bướu, khoa Dinh Dưỡng & tiết chế, Bệnh viện Phổi trung ương đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bích Huyền, Đinh Văn Tú và cộng sự. Tình trạng dinh dưỡng của người bệnh ung thư phổi điều trị nội trú tại bệnh viện K, cơ sở Tân triều năm 2021. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm. 2022;18(3+ 4):50-56.
2. Lâm Khắc Kỳ, Võ Thị Hạnh Quyên và cộng sự. Tỷ lệ suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân ung thư hóa trị tại Bệnh viện

- Nhân dân Gia Định năm 2022. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm. 2023;19(1+ 2):34-42.
3. Nguyễn Thùy Linh, Dương Thị Phượng và cộng sự. Tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2016. Tạp chí Dinh dưỡng và Thực phẩm. 2017;13(4):8-15.
 4. Trần Đình Phú. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân ung thư tại Bệnh viện trung ương Quân đội 108 năm 2018. Tạp chí Y Học Việt Nam. 2018;120:35-43.
 5. Ge T, Lin T, Yang J, Wang M. Nutritional status and related factors of patients with advanced lung cancer in northern China: a retrospective study. Cancer management and research. 2019; 11(1):2225-2231.
 6. Küçükkatirci S, Sahin H, Soylu M, Çiçek B. Nutritional status and quality of life in lung cancer patients. Studies on ethno-medicine. 2017;11(3):268-277.
 7. Sung H, Ferlay J, Siegel RL, et al. Global Cancer Statistics 2020: GLOBOCAN Estimates of Incidence and Mortality Worldwide for 36 Cancers in 185 Countries. CA: a cancer journal for clinicians. May 2021;71(3):209-249.

THÁI ĐỘ CỦA VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ VỀ VIỆC TIÊM CHỦNG VACCINE COVID-19

Phạm Thị Ngọc Nga¹, Cao Thị Tài Nguyên¹,
Đoàn Thị Thùy Trân¹, Trịnh Minh Thiết¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Ở Việt Nam, trong đợt bùng phát dịch COVID-19 từ tháng 4/2021 đến cuối năm 2021, tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình trạng đại dịch này. **Mục tiêu:** Khảo sát thái độ về việc tiêm vaccine của viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang ở 422 viên chức và người lao động đang công tác Trường ĐHYDCT. **Kết quả:** có 226/422 (53,6%) đối tượng tham gia khảo sát có lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19. Đặc điểm giới tính và chuyên môn có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 lần lượt với $p = 0,036$ và $p = 0,018$. Nguyên nhân lo lắng hàng đầu về việc tiêm chủng COVID-19 là từ các tin tức trên truyền thông chiếm 73,8% và có 48,4% nghi ngờ cá nhân không có hiệu quả và an toàn khi tiêm. Ngoài ra có đến 88,6% đối

tượng cho rằng vaccine COVID-19 an toàn và có một số tác dụng phụ và có 55,6% viên chức, người lao động tham gia khảo sát tin rằng vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta khỏi bị nhiễm COVID-19. **Kết luận:** Thái độ lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 còn khá cao (53,6%), các hoạt động truyền thông cần nên thực hiện để nâng cao hơn nữa thái độ tích cực cũng như niềm tin vào tiêm chủng vaccine COVID-19.

Từ khóa: thái độ, tiêm chủng, COVID-19, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

SUMMARY

ATTITUDE OF OFFICERS AND EMPLOYEES OF CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY ABOUT COVID-19 VACCINE

Background: In Vietnam, during the COVID-19 outbreak from April 2021 to the end of 2021, safe and effective vaccination is the only way to reduce the mortality rate and slow down this situation. **Objective:** Survey the attitudes about vaccination of officials and workers working at Can Tho University of Medicine and Pharmacy (CHCMC) from January 2022 to March 2022. **Materials and methods:** Cross-sectional descriptive study of 422 officials and workers working at the University of Traditional Medicine. **Results:** 226/422 (53.6%) survey participants were worried about COVID-19 vaccination. Gender and professional characteristics had a statistically significant influence on anxiety about COVID-19

¹Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Chịu trách nhiệm chính: Trịnh Minh Thiết

Email: tmthiet@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 11.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023

Ngày duyệt bài: 21.11.2023

vaccination with $p = 0.036$ and $p = 0.018$, respectively. The top cause of concern about COVID-19 vaccination was from news in the media, accounting for 73.8% and 48.4% of individuals doubting that the vaccination was not effective and safe. In addition, up to 88.6% of subjects believe that the COVID-19 vaccine was safe and had some side effects. In addition, 55.6% of officials and workers participating in the survey believe that vaccines can protect us from COVID-19 infection. **Conclusion:** Worry about COVID-19 vaccination was still quite high (53.6%). Communication activities should be carried out at school to further improve positive attitudes towards COVID-19 vaccination. **Keywords:** attitude, vaccination, COVID-19, CTUMP.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối tháng 12/2019, với sự xuất hiện rồi lây lan nhanh chóng và mức độ nguy hiểm, COVID-19 (Coronavirus Disease 2019) đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của rất nhiều người trên toàn thế giới và đặt ra một vấn đề lớn cần phải nhanh chóng giải quyết cho toàn cầu [1]. Việt Nam cũng đang chiến đấu với làn sóng thứ hai với biến thể mới mạnh hơn của coronavirus với 728 triệu trường hợp được xác nhận và 18.017 trường hợp tử vong (tính đến 24/9/2021). Trong đợt bùng phát dịch từ tháng 4/2021 đến nay số ca tử vong do COVID-19 không ngừng tăng cao, có những thời điểm lên đến 386 ca/ngày (ngày 28/8/2021). Tiêm vaccine an toàn và hiệu quả là cách duy nhất để giảm tỷ lệ tử vong và làm chậm tình trạng đại dịch này [3], [7]. Nhân viên y tế có nguy cơ đặc biệt do phơi nhiễm nghề nghiệp với SARS-CoV-2. Vì vậy, họ thuộc nhóm được ưu tiên tiêm chủng hàng đầu. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây cho thấy nhân viên rất ngại tiêm chủng và có nhiều thái độ tiêu cực với việc tiêm chủng. Nghiên cứu này được khảo sát từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022 trên tất cả viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) đồng ý tham gia với mục tiêu tìm hiểu thái độ của viên chức, người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc tiêm chủng vaccine COVID-19.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, thời gian khảo sát từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022.

Tiêu chuẩn chọn: viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ không phân biệt độ tuổi, giới tính.

Tiêu chuẩn loại trừ: viên chức và người lao động không đồng ý tham gia khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ trong quần thể:

$$n = \frac{Z^2 \times p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z = 1,96$ (hệ số tin cậy với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$)

$p = 0,34$ là tỷ lệ số người tham gia nghiên cứu có lo lắng về việc tiêm ngừa vaccine COVID-19 theo nghiên cứu của Sabria Al-Marshoudi (2021) [2]; $d =$ sai số cho phép của nghiên cứu, chọn $d = 0,05$

Vậy $n = 345$ viên chức và người lao động. Trong thực tế có 422 viên chức và người lao động tham gia khảo sát.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn thuận tiện tất cả các viên chức và người lao động đủ tiêu chuẩn chọn.

Nội dung nghiên cứu. Khảo sát thái độ về tiêm chủng vaccine COVID-19 của viên chức và người lao động Trường Đại học Y Dược Cần Thơ bằng bộ câu hỏi về gồm 4 nội dung: Lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19; Nguyên nhân lo lắng; Vaccine COVID-19 có an toàn; Niềm tin Vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta. Ngoại trừ câu hỏi "nguyên nhân lo lắng" được chọn nhiều đáp án, 3 câu còn lại mỗi câu chỉ 1 đáp án.

Khảo sát một số yếu tố có liên quan: liên quan được xác định giữa tỷ lệ lo lắng về tiêm chủng COVID-19 với một số đặc điểm của đối tượng khảo sát bao gồm: giới tính; nhóm tuổi; tình trạng hôn nhân; thâm niên công tác; chức danh nghề nghiệp; chuyên môn; trình độ; Số lần đã tiêm vaccine và tiền sử nhiễm Covid 19.

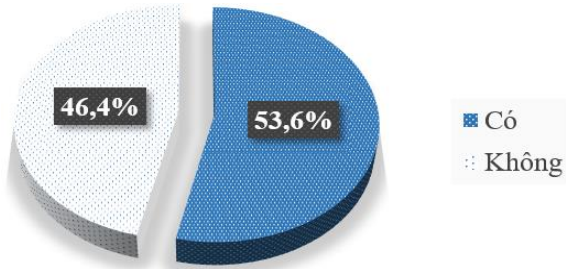
Phương pháp thu thập và xử lý số liệu .

Số liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi được nhóm biên soạn từ biểu mẫu Google Form, thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 1/2022 đến tháng 3/2022 cũng là thời điểm Việt Nam đối mặt với đợt dịch bùng phát lần thứ 4 và đồng thời tại Cần Thơ đang thực hiện giãn cách, do vậy nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trực tuyến. Dữ liệu thu thập sẽ được tổng hợp bằng phần mềm Excel. Sau đó, số liệu được kiểm tra, mã hóa và làm sạch dữ liệu trên phần mềm SPSS 20.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tỷ lệ lo lắng và một số yếu tố liên quan về việc tiêm vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT

- Tỷ lệ lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19



Biểu đồ 1. Lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19

Nhận xét: Có 226/422 (53,6%) đối tượng tham gia khảo sát có lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 và 196/422 (46,4%) đối tượng không có bất kỳ lo lắng nào.

- Một số yếu tố có liên quan đến lo lắng về tiêm chủng COVID-19

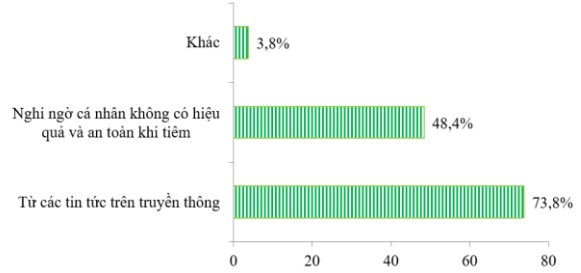
Bảng 1. Một số yếu tố có liên quan đến lo lắng về tiêm chủng COVID-19

Đặc điểm		Có n (%)	Không n (%)	p
Giới tính	Nam	120(58,8)	84 (41,2)	0,036
	Nữ	106(48,6)	112(51,4)	
Nhóm tuổi	≤ 35 tuổi	95 (51,6)	89 (48,4)	0,496
	> 35 tuổi	131(55,0)	107(45,0)	
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	63 (50,4)	62 (49,6)	0,399
	Có gia đình	163 (54,9)	134 (45,1)	
Thâm niên công tác	≤ 5 năm	61 (54,5)	51 (45,5)	0,822
	> 5 năm	165 (53,2)	145 (46,8)	
Chức danh nghề nghiệp	Giảng viên	107(51,2)	102(48,8)	0,682
	Chuyên viên/KTV	109 (56,5)	84 (43,5)	
	Kế toán viên	7 (46,7)	8 (53,3)	
	Thư viện viên	3 (60,0)	2 (40,0)	
Chuyên môn	Bác sĩ	80 (49,7)	81 (50,3)	0,018
	Dược sĩ	15 (37,5)	25 (62,5)	
	Khác	131(59,3)	90(40,7)	
Trình độ	Sau đại học	114(53,0)	101(47,0)	0,161
	Đại học	56(48,3)	60(51,7)	
	Khác	56(61,5)	35(38,5)	
Số lần đã tiêm vaccine	1-2 lần	15(65,2)	8(34,8)	0,249
	3 lần	211 (52,9)	188 (47,1)	
Nhiễm Covid 19	Đã nhiễm và điều trị khỏi và đã nhiễm và đang điều trị	26 (54,2)	22 (45,8)	0,928

Chưa từng nhiễm	200 (53,5)	174 (46,5)
-----------------	------------	------------

Nhận xét: Yếu tố giới tính và chuyên môn có ảnh hưởng đến lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 lần lượt với $p = 0,036$ và $p = 0,018$, các yếu tố còn lại không liên quan về ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

3.2. Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 của viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT



Biểu đồ 2. Nguyên nhân lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19

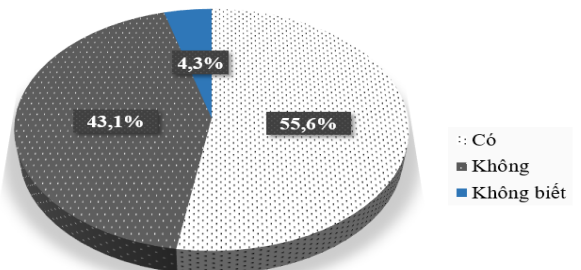
Nhận xét: Nguyên nhân lo lắng hàng đầu về việc tiêm chủng COVID-19 là từ các tin tức trên truyền thông chiếm 73,8%. Ngoài ra, khoảng 48,4% nghi ngờ cá nhân không có hiệu quả và an toàn khi tiêm, 3,8% cán bộ lo lắng vì các nguyên nhân khác.

3.3. Niềm tin về Vaccine COVID-19 của viên chức, người lao động Trường ĐHYDCT

Bảng 2. Vaccine COVID-19 có an toàn

STT	Nội dung	n	%
1	Nó an toàn và không có tác dụng phụ	20	4,7
2	Nó an toàn và có một số tác dụng phụ	374	88,6
3	Nó không an toàn và có tác dụng phụ rõ ràng	12	2,8
4	Không biết	16	3,8

Nhận xét: Có đến 88,6% cho rằng vaccine COVID-19 an toàn và có một số tác dụng phụ, đồng thời ghi nhận 3,8% không biết về tính an toàn của vaccine COVID-19.



Biểu đồ 3. Niềm tin Vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta

Nhận xét: Có 55,6% viên chức, người lao động tham gia khảo sát tin rằng vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta khỏi bị nhiễm COVID-19 và chỉ 4,3% người tham gia là không biết vai trò của vaccine COVID-19.

IV. BÀN LUẬN

Mặc dù là nhân viên y tế, khi khảo sát về thái độ cho thấy rằng viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ lo lắng khá nhiều về việc tiêm chủng COVID-19 (53,6%) và có 46,6% đối tượng tham gia khảo sát không có lo lắng về việc tiêm chủng COVID-19 (Biểu đồ 1).

Nghiên cứu cũng ghi nhận vấn đề lo lắng này có liên quan mang ý nghĩa thống kê với yếu tố giới tính ($p = 0,036$) và chuyên môn ($p = 0,018$), cụ thể tỷ lệ lo lắng ở nam giới (58,8%) nhiều hơn so với nữ giới (48,6%), đối tượng thuộc chuyên môn khác so với chuyên môn bác sĩ và dược sĩ có tỷ lệ lo lắng cao nhất chiếm 59,3%, sau đó là đối tượng chuyên môn bác sĩ 49,7%, và tỷ lệ này thấp nhất ở đối tượng chuyên môn dược sĩ chiếm 37,5% (Bảng 1). Kết quả được giải thích do đối tượng có chuyên môn cao về y học như bác sĩ và dược sĩ sẽ hiểu hơn về tầm quan trọng của việc tiêm chủng và lợi ích của vaccine nên mức độ lo lắng về vấn đề tiêm chủng sẽ thấp hơn các đối tượng thuộc các chuyên môn khác.

Trong nghiên cứu ở nhóm đối tượng lao động tại khu ở chuột ở Mumbai, Ấn Độ về tìm hiểu kiến thức và thái độ đối với vaccine COVID-19 [4], ghi nhận có 1342 người tham gia nghiên cứu với gần 2/3 thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 40 không biết về tình trạng sẵn có của vaccine, tiếp theo là 56,4% người trong độ tuổi từ 40 đến 60 và 46,2% số người trên 60 tuổi không biết về sự sẵn có của vaccine. Trong số những người tham gia nghiên cứu, gần 79% sẵn sàng tiêm vaccine COVID-19 khi vaccine có sẵn để sử dụng và chỉ 2% không muốn tiêm vaccine. Hơn 2/3 số người trả lời rằng họ sẵn sàng chấp nhận vaccine COVID thuộc nhóm không có thu nhập.

Kết quả thống kê cũng ghi nhận nguyên nhân lo lắng hàng đầu về việc tiêm chủng COVID-19 là từ các tin tức trên truyền thông chiếm đến 73,8%. Mặc dù Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã đưa ra khuyến cáo: "Tiêm vaccine là cần thiết và lợi ích của vaccine là cao hơn nhiều so với nguy cơ". Giống như nhiều dịch bệnh đã từng xảy ra trong quá khứ, vaccine luôn là biện pháp phòng bệnh chủ động, hữu hiệu. Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, vaccine phòng

COVID-19 giúp phòng ngừa lây nhiễm SARS-CoV-2, còn giúp người được tiêm tránh khỏi nguy cơ bệnh chuyển nặng và phải nhập viện, cũng như giảm tỷ lệ tử vong nếu không may bị nhiễm bệnh. Những bài viết, những bản tin thời sự có tiêu đề khiến nhiều người lo lắng: "2% số người chết vì Covid-19 ở bang Illinois (Mỹ) trong năm nay là người đã được tiêm đủ 2 mũi", "79 người dân ở bang Massachusetts được tiêm phòng đầy đủ đã tử vong",... [6]. Hay cụ thể trong giai đoạn đầu tiêm vaccine dù số lượng biến chứng và gây tử vong rất thấp nhưng nó cũng đánh động đến tâm lý người tiêm vaccine. Cùng lúc đó khi số ca nhiễm gia tăng ở một số quốc gia cùng với sự lan tràn của biến thể Delta, Omicron, thực tế vaccine không phải là một lá chắn hoàn hảo có thể khiến một số người thất vọng.

Trong nghiên cứu của chúng tôi, có đến 93,3% đối tượng nghiên cứu cho rằng vaccine là an toàn. Khi tiến hành khảo sát trực tuyến được thực hiện từ ngày 4 tháng 3 đến ngày 10 tháng 4 năm 2021 giữa các Hiệp hội nghề nghiệp và nhà cung cấp dịch vụ y tế và xã hội, có 62% đối tượng nghiên cứu đã được tiêm chủng ít nhất 1 lần, 22% đối tượng muốn được tiêm chủng, như vậy, có 84% đối tượng nghiên cứu tin tưởng về sự an toàn của vaccine khi khảo sát mức độ sẵn sàng tiêm chủng [5]. Khi so sánh giữa 2 nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng tỷ lệ tin tưởng về sự an toàn của vaccine là cao và tương đương nhau.

Cụ thể khi khảo sát thái độ tin tưởng "Vaccine COVID-19 có an toàn" chúng tôi ghi nhận có 88,6% đối tượng tin tưởng vaccine COVID-19 là an toàn và có một số tác dụng phụ (Bảng 2). Tuy nhiên khi khảo sát "Niềm tin vaccine COVID-19 có thể bảo vệ chúng ta" chỉ có 55,6% đối tượng tin rằng vaccine COVID-19 có thể bảo vệ (Biểu đồ 3). Có thể thấy rằng phần lớn đối tượng tin tưởng về mức độ an toàn của vaccine nhưng chưa tin tưởng nhiều về việc vaccine có thể giúp họ không bị nhiễm với COVID-19. Trong nghiên cứu của Sovan Samanta và cộng sự, 2020 tỷ lệ này là 46,8% [6]. Tính đến tháng 7/2021, tại Mỹ có hơn 5.186 trường hợp nhiễm Covid-19 dẫn đến bệnh nặng trong số 157 triệu người tiêm chủng đầy đủ (tỷ lệ 0,003%), trong đó có 988 ca dẫn đến tử vong [6]. Những con số thống kê tương tự này đã góp phần giải thích được kết quả của nghiên cứu.

V. KẾT LUẬN

Khi nghiên cứu trên đối tượng là viên chức, người lao động tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy tỷ lệ lo lắng khá nhiều về việc tiêm

chủng COVID-19. Vấn đề lo lắng có liên quan đến yếu tố giới và chuyên môn. Vấn đề lo lắng được ghi nhận rằng có nguồn gốc từ các tin tức trên truyền thông chiếm 73,8%. Tuy nhiên, có đến 93,3% người được khảo sát cho rằng vaccine là an toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, Cổng thông tin của Bộ Y Tế về đại dịch Covid-19, <https://covid19.gov.vn/>.
2. Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Hải Hà (2021), Ảnh hưởng dịch COVID-19 đến sức khỏe nhân viên Y tế, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường – Bộ Y tế.
3. Abdelhafiz, A. S., Mohammed, Z., Ibrahim, M. E., Ziad, H. H., Alorabi, M., Ayyad, M., & Sultan, E. A. (2020). Knowledge, perceptions, and attitude of Egyptians towards the novel coronavirus disease (COVID-19). *Journal of community health*, 45(5), 881-890.
4. Bhartiya, S., Kumar, N., Singh, T., Murugan, S., Rajavel, S., & Wadhvani, M. (2021). Knowledge, attitude and practice towards COVID-19 vaccination acceptance in West India. *Int J Community Med Public Health*, 8(3), 1170-1176.
5. Kozak, A., & Nienhaus, A. (2021). COVID-19 vaccination: Status and willingness to be vaccinated among employees in health and welfare care in Germany. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 18(13), 6688.
6. Samanta, S., Banerjee, J., Kar, S. S., Ali, K. M., Giri, B., Pal, A., & Dash, S. K. (2022). Awareness, knowledge and acceptance of COVID-19 vaccine among the people of West Bengal, India: a web-based survey. *Vacunas*.
7. Tran B.X, Nguyen H.T., Le H.T., et al. (2020), Impact of COVID-19 on Economic Well-Being and Quality of Life of the Vietnamese During the National Social Distancing. *Front Psychol*; 11: 565153.

NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở BỆNH NHÂN BASEDOW TÁI PHÁT SAU ĐIỀU TRỊ NỘI KHOA

Đặng Phương Anh¹, Lê Bá Ngọc¹, Nguyễn Khoa Diệu Vân^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến tái phát ở bệnh Basedow sau điều trị nội khoa. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang trên nhóm bệnh nhân Basedow đã điều trị đủ phác đồ, được bác sĩ chỉ định dùng thuốc và tái phát sau đó, đến khám tại Khoa Khám bệnh - Bệnh viện Bạch Mai từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023. **Kết quả:** Tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là $40,3 \pm 12,025$ tuổi. Tỷ lệ nữ: nam ở nhóm bệnh nhân tái phát là 4,5:1. Thời gian mắc bệnh trung bình là $79,27 \pm 49,2$ tháng, thời gian điều trị trung bình là $24,51 \pm 7,06$ tháng, thời gian tái phát trung bình là $20,61 \pm 17,92$ tháng. Triệu chứng lâm sàng của nhóm bệnh nhân tái phát bệnh giống với các bệnh nhân Basedow mới phát hiện. Thể tích tuyến giáp trung bình của nhóm bệnh nhân tái phát là $41,55 \pm 24,34$, nồng độ TRAb trung bình là $11,23 \pm 5,92$ cao hơn nhóm chứng. Các bệnh nhân tái phát có tỷ lệ hút thuốc (69,7%), stress (75,8%) hoặc sử dụng thuốc hay thức ăn có chứa nhiều iode (18,2%) cao hơn, tỷ lệ tuân thủ điều trị thấp hơn nhóm chứng. **Kết luận:** Basedow tái phát có liên quan đến giới tính, độ tuổi và

một số yếu tố liên quan đến tái phát bệnh: Tuân thủ điều trị, hút thuốc lá, stress, sử dụng thực phẩm hoặc thuốc chứa nhiều iode. **Từ khóa:** Basedow tái phát, thuốc kháng giáp trạng tổng hợp, TRAb

SUMMARY

CLINICAL AND PARACLINICAL CHARACTERISTICS AND SOME RELATED FACTORS IN RELAPSED BASEDOW'S DISEASE AFTER ANTITHYROID DRUGS

Aims: To investigate patient characteristics, and some related factors in recurrent Basedow's disease after antithyroid drugs. **Methods:** A prospective cross-sectional study groups of Basedow patients who received enough drug treatment regimen, are prescribed by the doctor to stop the drug and relapse after that, visit the Outpatient Department of Bach Mai Hospital from October 2022 to June 2023. **Results:** The mean age of the study group is $40,3 \pm 12,025$ years old. The female: male ratio in the group of patients with relapse is 4,5 : 1. The mean duration of disease is $79,27 \pm 49,2$ months, of treatment is $24,51 \pm 7,06$ months, of disease recurrence is $20,61 \pm 17,92$ months. There are 72,3% of patients treated with Imidazol drug. The clinical symptoms of the group of patients with relapse were similar to the newly Graves patients. The mean thyroid volume of the group of relapsed patients was $41,55 \pm 24,34$, the mean TRAb concentration was $11,23 \pm 5,92$ higher than the control group. Patients with relapse have a higher rate of smoking (69.7%), stress (75.8%) or using drugs or foods containing a lot of iodine (18.2%), a higher rate

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Bạch Mai

Chịu trách nhiệm chính: Đặng Phương Anh

Email: dpaydhp1997@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.9.2023

Ngày phản biện khoa học: 9.11.2023

Ngày duyệt bài: 21.11.2023